



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI



LANGUAGE LINK VIỆT NAM

CUỘC THI OLYMPIC TIẾNG ANH DÀNH CHO HỌC SINH TIỂU HỌC TOÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Lần thứ XII - Năm học 2014-2015

DANH SÁCH THÍ SINH VÒNG CHUNG KHẢO

STT	SBD	Họ và Tên	Tên	Ngày Sinh	Tháng Sinh	Năm Sinh	Trường	Lớp	Quận/ Huyện	Mã đề	Điểm
1	31	Vũ Phạm Hiền	Anh	14	3	2004	Nguyễn Siêu	5A6	Cầu Giấy	4	92
2	235	Tổng Anh	Duy	13	11	2004	Đoàn Thị Diễm	5Q1	Nam Từ Liêm	9	90
3	1020	Nguyễn Thành	Trung	29	10	2004	Tiểu học Hoàng Hoa Thám	5A	Ba Đình	2	90
4	2	Phạm Năng	An	4	12	2004	Tiểu học Nguyễn Tri Phương	5C	Ba Đình	2	88
5	179	Hoàng Anh	Chi	17	2	2004	Tiểu học Việt NamSingapore	5B	Ba Đình	4	88
6	75	Lê Hải	Anh	16	1	2004	Gia Thụy	5A1	Long Biên	3	85
7	289	Phạm Minh	Đức	30	1	2004	TH Ngôi sao Hà Nội	5A0	Thanh Xuân	9	85
8	386	Nghiêm Minh	Hiếu	24	1	2004	Đồng Tâm	5C	Hai Bà Trưng	8	85
9	791	Nguyễn Trường	Phúc	6	12	2004	Tiểu học Việt NamSingapore	5C	Ba Đình	8	85
10	86	Vũ Phạm Duy	Anh	9	6	2004	Đoàn Thị Diễm	5Q1	Nam Từ Liêm	5	84
11	1043	Hoàng Quốc	Việt	12	8	2004	Tô Hoàng	5E	Hai Bà Trưng	7	84
12	30	Lê Ngọc Mỹ	Anh	14	3	2004	Nguyễn Siêu	5A3	Cầu Giấy	3	83
13	475	Nguyễn Gia	Khánh	11	7	2004	Đoàn Thị Diễm	5A11	Nam Từ Liêm	6	83
14	484	Nguyễn Bá	Khiêm	4	8	2004	Nguyễn Bình Khiêm	5A2	Cầu Giấy	5	83
15	665	Nguyễn Nhật	Minh	2	8	2004	Tiểu học Tân Định	5A3	Hoàng Mai	7	83
16	265	Nguyễn Thành	Đạt	16	11	2004	TH Phương Mai	5G	Đống Đa	2	82
17	529	Trần Hoàng	Linh	23	5	2004	Dịch Vọng A	5H	Cầu Giấy	6	82
18	564	Dương Khánh	Linh	30	12	2004	Việt Nam Singapore	5	Tây Hồ	4	82
19	727	Vũ Minh	Nghĩa	23	4	2004	TH Nam Thành Công	5K	Đống Đa	7	82
20	782	Nông Hải	Phong	18	4	2004	Nguyễn Bình Khiêm	5A3	Cầu Giấy	6	82
21	1062	Nguyễn Hà	Yên	16	8	2004	TH Lê Lợi	5D	Hà Đông	7	82
22	161	Nguyễn Trúc	Cầm	29	9	2004	Nguyễn Siêu	5A5	Cầu Giấy	7	81
23	1053	Nguyễn Cát	Vũ	10	8	2004	Đoàn Thị Diễm	5Q2	Nam Từ Liêm	9	81

24	152	Đàm Gia	Bào	25	2	2004	Đoàn Thị Diễm	5A	Nam Từ Liêm	7	80
25	502	Elizabeth Phạm Ngô Hoàng	Lan	6	9	2004	Wellspring	5A4	Long Biên	5	80
26	795	Nguyễn Quang	Phúc	9	2	2004	TH Lê Quý Đôn	5A11	Nam Từ Liêm	2	79
27	85	Trịnh Tuệ	Anh	23	8	2004	Marie Curie	5I	Nam Từ Liêm	4	78
28	389	Phan Tổ Như	Hoa	1	3	2004	Lý Thái Tổ	5A2	Cầu Giấy	1	78
29	488	Phan Trường Anh	Khôi	10	11	2004	TH Trưng Vương	5H	Hoàn Kiếm	2	78
30	494	Nguyễn Minh	Khuê	9	10	2004	TH I-Sắc Niu-Ton	5G	Bắc Từ Liêm	7	78
31	588	Lò Hải	Long	29	5	2004	Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	5B	Ba Đình	2	78
32	629	Đặng Nga	Mi	26	5	2004	Tiểu học Việt NamSingapore	5D	Ba Đình	8	78
33	1002	Hoàng Diệu	Trang	20	3	2004	Hanoi Academy	5A1	Tây Hồ	3	78
34	1030	Nguyễn Thị Nhã	Văn	24	9	2004	TH Lê Quý Đôn	5A10	Nam Từ Liêm	4	78
35	15	Cao Thúy	An	15	11	2004	TH Ngôi sao Hà Nội	5A0	Thanh Xuân	5	77
36	68	Vũ Hồng	Anh	2	5	2004	TH QT Thăng Long	5A2	Hoàng Mai	4	77
37	78	Nguyễn Châu	Anh	12	2	2004	Wellspring	5A3	Long Biên	6	77
38	321	Nguyễn Ngân	Hà	3	2	2004	Tiểu học Trung Tự	5D	Đống Đa	6	77
39	411	Nguyễn Mạnh	Hùng	20	6	2004	Đoàn Thị Diễm	5Q2	Nam Từ Liêm	6	77
40	696	Bùi Hoàng	My	20	1	2004	TH Đặng Trần Côn B	5B	Thanh Xuân	2	77
41	84	Trịnh Hải	Anh	23	8	2004	Marie Curie	5G	Nam Từ Liêm	3	76
42	499	Trần Mỹ	Lam	13	4	2004	Wellspring	5A4	Long Biên	2	76
43	632	Phạm Tuấn Nhật	Minh	16	12	2004	Tiểu học Thành Công B	5A3	Ba Đình	1	76
44	754	Phan Duy	Nguyễn	10	2	2004	TH Lê Quý Đôn	5A11	Nam Từ Liêm	8	76
45	813	Trần Nam	Phương	19	7	2004	Đoàn Thị Diễm	5A5	Nam Từ Liêm	3	76
46	88	Vũ Đức	Anh	5	1	2004	Đoàn Thị Diễm	5A1	Nam Từ Liêm	7	75
47	377	Vũ Trọng	Hiếu	21	7	2004	Tiểu học Tân Mai	5A1	Hoàng Mai	7	75
48	400	Nguyễn Việt	Hoàng	7	2	2004	Đồng Tâm	5D	Hai Bà Trưng	4	75
49	433	Nguyễn Cao	Hùng	21	2	2004	Tiểu học Kim Đồng	5H	Ba Đình	1	75
50	522	Nguyễn Tường	Linh	4	6	2004	TH I-Sắc Niu-Ton	5G	Bắc Từ Liêm	9	75
51	541	Nguyễn Ngọc	Linh	2	5	2004	TH Văn Khê	5A	Hà Đông	1	75
52	633	Thái Duy Hoàng	Minh	15	4	2004	Tiểu học Phan Chu Trinh	5C	Ba Đình	2	75
53	912	Vũ Kim	Thành	28	4	2004	TH Việt Úc Hà Nội	5A1	Nam Từ Liêm	3	75
54	87	Lê Khánh Nam	Anh	2	10	2004	Đoàn Thị Diễm	5A7	Nam Từ Liêm	6	74
55	600	Đặng Phước	Lộc	28	5	2004	Bà Triệu	5C	Hai Bà Trưng	6	74
56	671	Phạm Hoàng	Minh	6	9	2004	Đoàn Thị Diễm	5Q2	Nam Từ Liêm	3	74
57	706	Nguyễn Thành	Nam	10	10	2004	Tiểu học Lĩnh Nam	5A2	Hoàng Mai	4	74
58	728	Hoàng Đức	Nghĩa	6	2	2004	TH Yết Kiêu	5B	Hà Đông	8	74
59	8	Đỗ Hiền	An	13	9	2004	Lê Văn Tám	5A1	Hai Bà Trưng	8	73
60	313	Trương Quỳnh	Giao	1	10	2004	Tiểu học Kim Đồng	5A	Ba Đình	6	73
61	368	Lê Ngọc	Hiền	17	12	2004	Tiểu học Xuân Đình	5A2	Bắc Từ Liêm	7	73
62	464	Lê Văn	Khanh	1	8	2004	TH Lê Quý Đôn	5A11	Nam Từ Liêm	5	73
63	503	Đặng Phương	Lan	4	4	2005	Hanoi Academy	5A1	Tây Hồ	6	73
64	525	Lê Phương	Linh	5	1	2004	Nghĩa Tân	5C	Cầu Giấy	2	73

65	983	Nguyễn Quỳnh	Trang	2	3	2004	Tiểu học Xuân Đình	5A2	Bắc Từ Liêm	1	73
66	1060	Phạm Diệu	Vy	9	12	2004	Tiểu học Lôônôxốp	5A5	Nam Từ Liêm	9	73
67	390	Phạm Nữ Nhật	Hoa	18	4	2004	TH QT Thăng Long	5A1	Hoàng Mai	2	72
68	673	Nguyễn Gia	Minh	20	12	2004	Hanoi Academy	5A1	Tây Hồ	5	72
69	718	Nguyễn Mai	Ngân	29	1	2004	Tiểu học Vietkids	5A2	Đống Đa	6	72
70	748	Phạm Khôi	Nguyễn	17	7	2004	Lý Thái Tổ	5A3	Cầu Giấy	9	72
71	809	Nguyễn Hà	Phương	10	4	2004	Wellspring	5A4	Long Biên	8	72
72	839	Hoàng Tú	Quỳnh	19	2	2004	Dịch Vọng A	5D	Cầu Giấy	2	72
73	1018	Trịnh Kiều	Trinh	18	4	2004	Vinschool	5A6	Hai Bà Trưng	9	72
74	1034	Đặng Phạm Linh	Vân	12	4	2004	TH Việt Úc Hà Nội	5A1	Nam Từ Liêm	8	72
75	1055	Nguyễn Phan Anh	Vũ	6	12	2004	TH Xuân La	5A6	Tây Hồ	4	72
76	156	Trần Khoa	Bằng	4	12	2004	Tây Sơn	5A7	Hai Bà Trưng	2	71
77	322	Bùi Nguyễn Ngân	Hà	12	12	2004	Tiểu học Quang Trung	5A1	Đống Đa	7	71
78	326	Phạm Trần Nhật	Hà	9	7	2004	Đoàn Thị Điểm	5A	Nam Từ Liêm	2	71
79	370	Phạm Minh	Hiền	22	2	2004	TH Khương Thượng	5A	Đống Đa	4	71
80	468	Dương Ngọc	Khánh	3	12	2004	TH Nguyễn Du	5A	Hà Đông	9	71
81	771	Lê Tuệ	Nhi	19	12	2004	Wellspring	5A4	Long Biên	5	71
82	825	Hoàng	Quân	11	3	2004	Tiểu học Phan Chu Trinh	5D	Ba Đình	5	71
83	843	Nguyễn Hương	Quỳnh	4	2	2004	Dịch Vọng A	5H	Cầu Giấy	6	71
84	948	Dương Mai	Thu	15	9	2004	TH Nam Thành Công	5P	Đống Đa	3	71
85	58	Ngô Huyền	Anh	30	8	2004	Lê Ngọc Hân	5A	Hai Bà Trưng	4	70
86	89	Nguyễn Huệ Phương	Anh	27	10	2004	TH Lê Quý Đôn	5A11	Nam Từ Liêm	8	70
87	367	Lại Bảo	Hân	18	1	2004	Vinschool	5A2	Hai Bà Trưng	6	70
88	440	Phạm Thủy	Hương	22	5	2004	TH Điện Biên	5C	Hoàn Kiếm	8	70
89	460	Lê Hoàng	Khang	20	4	2004	Trần Nhật Duật	5B	Hoàn Kiếm	1	70
90	500	Nghiêm Đan	Lam	16	8	2004	Lê Văn Tám	5A1	Hai Bà Trưng	3	70
91	831	Nguyễn Anh	Quân	10	5	2004	TH QT Thăng Long	5A1	Hoàng Mai	4	70
92	928	Nguyễn Thu	Thảo	23	10	2004	TH Lê Quý Đôn	5A11	Nam Từ Liêm	10	70
93	1016	Nguyễn Minh	Triết	25	1	2004	Tiểu học Kim Liên	5N	Đống Đa	7	70
94	131	Nguyễn Việt	Anh	18	11	2004	Mai Dịch	5E	Cầu Giấy	3	69
95	172	Lê Hoàng Minh	Châu	9	1	2004	TH Nam Thành Công	5K	Đống Đa	10	69
96	230	Tạ Xuân	Duy	21	3	2004	Tây Sơn	5A7	Hai Bà Trưng	4	69
97	450	Trần Trung	Kiên	20	1	2004	TH Đặng Trần Côn A	5H	Thanh Xuân	8	69
98	623	Ngô Thi Hiền	Mai	22	2	2004	TH Đặng Trần Côn A	5A	Thanh Xuân	2	69
99	681	Bùi Bảo	Minh	8	8	2004	Nghĩa Tân	5C	Cầu Giấy	6	69
100	702	Nguyễn Minh	Nam	18	2	2004	TH I-Sắc Niu-Ton	5G	Bắc Từ Liêm	8	69
101	713	Lê Đăng	Ninh	27	6	2004	Long Biên	5B	Long Biên	1	69
102	757	Trần Quỳnh	Nguyễn	25	8	2004	TH Ngôi sao Hà Nội	5B0	Thanh Xuân	1	69
103	778	Nguyễn Minh	Nhuận	12	9	2004	TH Nguyễn Trãi	5D	Hà Đông	2	69
104	820	Phan Huy	Quang	3	1	2004	Nguyễn Siêu	5A5	Cầu Giấy	10	69
105	833	Nguyễn Đăng Minh	Quân	15	1	2004	Thanh Liệt	5G	Thanh Trì	6	69

106	1027	Trần Vũ Phương	Uyên	19	1	2004	Tiểu học Trung Tự	5C	Đồng Đa	1	69
107	51	Phạm Minh	Anh	13	3	2004	Tây Sơn	5A7	Hai Bà Trưng	5	68
108	119	Lê Thái Duy	Anh	8	1	2004	TH Đặng Trần Côn B	5A	Thanh Xuân	1	68
109	147	Nguyễn Chí	Bách	23	4	2004	TH Lê Quý Đôn	5A11	Nam Từ Liêm	2	68
110	472	Trần An	Khánh	23	2	2004	TH Trần Quốc Toàn	5A	Hoàn Kiếm	3	68
111	482	Lê Xuân	Khánh	26	3	2004	Lý Thái Tổ	5A1	Cầu Giấy	3	68
112	505	Bùi Bảo	Lâm	25	8	2004	Tiểu học Thành Công B	5A7	Ba Đình	8	68
113	589	Nguyễn Việt	Long	20	5	2004	TH Việt Hùng	5B	Đông Anh	3	68
114	656	Nguyễn Hoàng Tuệ	Minh	30	12	2004	Tây Sơn	5A7	Hai Bà Trưng	8	68
115	672	Lý Quang	Minh	7	5	2004	TH & THCS Olympia	5	Nam Từ Liêm	4	68
116	717	Đinh Thu	Ngân	12	9	2004	TH Thái Thịnh	5A	Đồng Đa	5	68
117	773	Bùi Hiền	Nhi	27	8	2004	Đoàn Thị Điểm	5Q1	Nam Từ Liêm	7	68
118	789	Ho Hải	Phong	19	6	2004	Tiểu học Đại Kim	5C	Hoàng Mai	6	68
119	925	Tổng Phương	Thảo	30	10	2004	Vinschool	5A3	Hai Bà Trưng	7	68
120	1015	Hoàng Bảo	Trâm	14	10	2004	Dịch Vọng B	5A	Cầu Giấy	6	68
121	1025	Nguyễn Hoàng	Trung	13	9	2004	Thanh Xuân Trung	5A5	Thanh Xuân	7	68
122	1063	Nguyễn Xuân	Yên	19	3	2004	Hanoi Academy	5A1	Tây Hồ	6	68
123	19	Nguyễn Tú	Anh	22	8	2004	Tiểu học Việt NamSingapore	5B	Ba Đình	9	67
124	234	Lưu Thiện	Duy	8	8	2004	Gia Thụy	5A2	Long Biên	8	67
125	288	Lê Huy	Đức	26	12	2004	TH Nguyễn Trãi	5G	Thanh Xuân	8	67
126	379	Trần Ngọc	Hiếu	12	9	2004	Tiểu học Hoàng Liệt	5E	Hoàng Mai	1	67
127	448	Đặng Anh	Kiên	27	10	2004	Tiểu học Ba Đình	5A2	Ba Đình	6	67
128	465	Bùi Văn	Khánh	29	8	2004	Tiểu học Thực Nghiệm	5E	Ba Đình	6	67
129	566	Lương Nguyễn Phương	Linh	26	12	2004	TH Chu Văn An	5C	Tây Hồ	6	67
130	643	Đinh Nhật	Minh	5	8	2004	Lý Thái Tổ	5A2	Cầu Giấy	5	67
131	677	Lê Công	Minh	1	7	2004	TH Đặng Trần Côn A	5C	Thanh Xuân	2	67
132	691	Khúc Trà	My	6	11	2004	Tiểu học Mai Động	5A3	Hoàng Mai	6	67
133	694	Phùng Thị Trà	My	9	2	2004	TH Hàn Thuyên	5B	Tây Hồ	9	67
134	781	Lê Thành	Phát	17	2	2004	Vinschool	5A1	Hai Bà Trưng	5	67
135	958	Tổng Anh	Thư	17	7	2004	Lê Văn Tám	5A1	Hai Bà Trưng	2	67
136	990	Nguyễn Quỳnh	Trang	16	2	2004	Quốc Tế VIP Hà Nội	5A	Đồng Đa	8	67
137	1044	Trần Hoàng	Việt	3	9	2004	ĐT Việt Hưng	5A	Long Biên	8	67
138	37	Nguyễn Minh Châu	Anh	24	3	2004	Tiểu học Quang Trung	5A1	Đồng Đa	10	66
139	57	Nguyễn Huy Diệu	Anh	21	10	2004	Lê Ngọc Hân	5A	Hai Bà Trưng	3	66
140	229	Nguyễn Việt	Duy	24	3	2004	Dịch Vọng A	5D	Cầu Giấy	3	66
141	350	Lê Hoa Hồng	Hạnh	5	1	2004	Tây Sơn	5A7	Hai Bà Trưng	9	66
142	375	Nguyễn Trọng	Hiếu	8	6	2004	TH Yết Kiêu	5A	Hà Đông	5	66
143	427	Nguyễn Ngọc	Huyền	28	1	2004	Tây Sơn	5A6	Hai Bà Trưng	5	66
144	508	Phạm Nhật	Lâm	18	9	2004	TH Cổ Bi	5C	Gia Lâm	3	66
145	558	Đinh Nguyễn Khánh	Linh	2	11	2004	Đoàn Thị Điểm	5Q1	Nam Từ Liêm	8	66
146	768	Phùng Ý	Nhi	9	4	2004	Tiểu học Hồng Hà	5B	Hoàn Kiếm	2	66

147	774	Nguyễn Thái Ngọc	Nhi	4	6	2004	Hanoi Academy	5A1	Tây Hồ	8	66
148	812	Trần Huyền	Phương	12	1	2004	Đoàn Thị Diễm	5Q3	Nam Từ Liêm	2	66
149	893	Hoàng Xuân	Tùng	7	1	2004	TH Tràng An	5A	Hoàn Kiếm	2	66
150	945	Vũ Anh	Thơ	22	5	2004	TH Lý Thường Kiệt	5A1	Đống Đa	10	66
151	7	Trần Đức	An	17	10	2004	Quỳnh Mai	5A1	Hai Bà Trưng	7	65
152	36	Trần Ngọc Việt	Anh	24	11	2004	TH Uy Nỗ	5G	Đông Anh	9	65
153	184	Nguyễn Thùy	Chi	1	1	2004	TH Ban Mai	5A8	Hà Đông	9	65
154	263	Trương Khánh	Đan	26	8	2004	TH Nguyễn Du	5A	Hà Đông	10	65
155	311	Nguyễn Thị Hương	Giang	13	3	2004	Trường Tiểu học Thị Trấn Phùng	5A	Đan Phượng	4	65
156	398	Trần Minh	Hoàng	10	3	2004	Nghĩa Tân	5H	Cầu Giấy	10	65
157	434	Đỗ Tuấn	Hưng	14	5	2004	Tiểu học Thành Công A	5D	Ba Đình	2	65
158	462	Cao Thị Hiền	Khanh	15	9	2004	Ái Mộ	5H	Long Biên	3	65
159	538	Trần Phương	Linh	3	1	2004	TH Ban Mai	5A8	Hà Đông	8	65
160	651	Phạm Hồng	Minh	21	12	2004	TH Nam Thành Công	5K	Đống Đa	3	65
161	783	Bạch Xuân	Phong	26	4	2004	Ái Mộ	5H	Long Biên	7	65
162	838	Trần Kiến	Quốc	6	6	2004	Hanoi Academy	5A2	Tây Hồ	1	65
163	864	Bùi Trọng	Tấn	10	2	2004	Gia Thụy	5A1	Long Biên	7	65
164	971	Nguyễn Anh	Thư	16	9	2004	TH Kim Giang	5A	Thanh Xuân	6	65
165	1013	Phạm Thu	Trang	7	7	2004	Tiểu học Hoàng Hoa Thám	5B	Ba Đình	4	65
166	1028	Ngô Hà	Uyên	19	9	2004	Tô Hiến Thành	5A2	Hai Bà Trưng	2	65

BAN TỔ CHỨC CUỘC THI OLYMPIC TIẾNG ANH TIỂU HỌC CẤP THÀNH PHỐ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HÀ NỘI



PHẠM XUÂN TIẾN

TỔNG GIÁM ĐỐC LANGUAGE LINK VIỆT NAM



GAVAN IACONO